TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH408**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM
Kỳ I năm học 2014 - 2015

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK1051030445	Vũ Tiến	An	11/2/1990	8	7	5	6	6.5	Đạt	
2	DTK1051030145	Nguyễn Văn	Anh	8/8/1992	7	9	7	5	7.0	Đạt	
3	DTK0951030005	Nguyễn Văn	Bắc	29/03/91		5			1.3	Thiếu ban	
4	DTK1051030369	Nguyễn Thị	Bắc	5/3/1992	7	6	6	8	6.8	Đạt	
5	1111061560	Ninh Đình	Biển	29/03/87	2				0.5	Thiếu ban	
6	11110750008	Đặng Thái	Bình	27/03/89	4	7		4	3.8	Thiếu ban	
7	DTK0951030152	Nguyễn Huy	Cảnh	14/11/91		1	7		2.0	Thiếu ban	
8	DTK0851030080	Lại Xuân	Châu	5/8/1990				7	1.8	Thiếu ban	
9	DTK1051030007	Nguyễn Huy	Chinh	17/02/93	8	5	7	8	7.0	Đạt	
10	DTK1051030150	Lý Văn	Chương	14/10/91	7	5	6	8	6.5	Đạt	
11	DTK1051030005	Trần Hồng	Cương	27/09/92	7	8	8	8	7.8	Đạt	
12	11110750231	Lâm Văn	Cường	10/2/1989	7	4	7	7	6.3	Đạt	
13	DTK1051030149	Dương Văn	Cường	6/5/1992	7	6	8	7	7.0	Đạt	
14	DTK1051030226	Nguyễn Văn	Điệp	4/1/1992	8	7	8	6	7.3	Đạt	
15	DTK0951030232	Phan Bá	Đoàn	4/7/1991		9	8	8	6.3	Đạt	
16	DTK1051030157	Nguyễn Văn	Đức	20/11/92	7	8	8	8	7.8	Đạt	
17	11110750088	Nguyễn Quốc	Dũng	19/03/89	7		8		3.8	Thiếu ban	
18	DTK0951030160	Nguyễn Hữu	Dũng	24/08/91		1	8		2.3	Thiếu ban	
19	DTK1051030081	Nguyễn Văn	Dũng	11/3/1991	8	5	8	8	7.3	Đạt	
20	DTK1051030375	Đỗ Văn	Dũng	29/10/92	8	5	7	8	7.0	Đạt	
21	DTK1051030374	Kiều ánh	Dương	6/11/1992	8	5	7	8	7.0	Đạt	
22	DTK1051030082	Lê Viết	Duy	26/12/92	8	5	8	6	6.8	Đạt	
23	DTK1051030154	Trần Văn	Duy	6/10/1992	7	9	7	6	7.3	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
24	1141100003	Quàng Văn	Hà	5/8/1991	7	9	7	6	7.3	Đạt	
25	DTK0951030019	Lương Văn	Hải	14/11/91	7	8	6	7	7.0	Đạt	
26	DTK0951030318	Ngô Thị	Hằng	17/10/91		8	7	7	5.5	Thiếu ban	
27	DTK1051030016	Mẫn Thị	Hằng	26/09/92	7	9	7	6	7.3	Đạt	
28	DTK1051030088	Ngô Thị Thúy	Hằng	8/7/1992	8	5	7	8	7.0	Đạt	
29	DTK1051030094	Hoàng Trọng	Hiệp	25/06/92	7	8	7	5	6.8	Đạt	
30	DTK1051030234	Trịnh Thế	Hiệp	12/10/1992	8	7	7	6	7.0	Đạt	
31	DTK0951030324	Lê Văn	Hiếu	15/07/91		1	7		2.0	Thiếu ban	
32	DTK1051030235	Nguyễn Tiến	Hiếu	18/08/92	8	7	7	6	7.0	Đạt	
33	DTK1051030308	Nguyễn Danh	Hiệu	13/06/92	8	7	8	9	8.0	Đạt	
34	DTK1051030393	Phạm Văn	Hoan	18/09/92	7	9	7	8	7.8	Đạt	
35	DTK0951030094	Nguyễn Đình	Hoàng	13/08/90	6	9	7		5.5	Thiếu ban	
36	DTK1151030242	Lê Văn	Hoàng	23/12/89	8	9	6	7	7.5	Đạt	
37	DTK1051030162	Nguyễn Thái	Học	7/6/1992	7	8	8	8	7.8	Đạt	
38	DTK1051030232	Chéo Văn	Học	5/9/1990	7	8	8	8	7.8	Đạt	
39	DTK1051030383	Nguyễn Thị	Hồng	19/11/92	8	8	6	7	7.3	Đạt	
40	DTK0951030327	Vi Văn	Hợp	20/11/91		1	6		1.8	Thiếu ban	
41	DTK1051030098	Lê Thị	Huế	22/05/92	8	5	6	8	6.8	Đạt	
42	DTK0951030098	Bùi Việt	Hùng	18/08/91	b				0.0		
43	DTK0951030328	Nguyễn Văn	Hùng	27/05/91	6	9	7	6	7.0	Đạt	
44	DTK1051030163	Trần Đình	Hùng	8/6/1992	7	9	8	5	7.3	Đạt	
45	DTK1051030306	Nguyễn Hữu	Hùng	6/6/1992	7	9	8	5	7.3	Đạt	
46	DTK1051030386	Nguyễn Tư	Hùng	17/10/92	7	9	8	6	7.5	Đạt	
47	DTK0951030100	Nguyễn Xuân	Hưng	1/6/1991	8	9	7	8	8.0	Đạt	
48	DTK0951030247	Vũ Đình	Hưng	12/2/1991	B	9	B	4	3.3	Thiếu ban	
49	DTK1051030385	Nguyễn Văn	Hướng	27/08/92	8	6	6	9	7.3	Đạt	
50	DTK1051030240	Vũ Đức	Huynh	17/08/92	8	7	7	8	7.5	Đạt	
51	DTK1051030100	Nông Ngân	Khánh	6/10/1992	7	5	7	8	6.8	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
52	DTK0951030251	Nguyễn Thế	Khuê	7/12/1989		9	6	8	5.8	Thiếu ban	
53	DTK1051030241	Lâm Văn	Khương	5/8/1992		9	8		4.3	Thiếu ban	
54	DTK1051030242	Nguyễn Đình	Kiên	5/12/1992	8	7	8	8	7.8	Đạt	
55	DTK1151020313	Giang Ngọc	Kiệt	8/5/1993		b			0.0		
56	DTK1051030174	Hoàng Văn	Ky	6/8/1992	7	9	7	6	7.3	Đạt	
57	DTK1051030103	Trần Văn	Kỳ	4/5/1991	7	9	7	9	8.0	Đạt	
58	11110750110	Phạm Văn	Lăng	17/05/89				6	1.5	Thiếu ban	
59	DTK1051030175	Bùi Văn	Long	28/09/92	8	8	7	7	7.5	Đạt	
60	DTK1051030399	Tạ Minh	Long	8/12/1992	8	7	8	9	8.0	Đạt	
61	DTK1051030034	Nguyễn Thị	Lựu	16/07/92	8	5	7	8	7.0	Đạt	
62	DTK0951030112	Nguyễn Đình	Luyện	23/09/91	6	9	7		5.5	Thiếu ban	
63	DTK1051030106	Bùi Văn	Luyện	20/06/91	7	8	6	7	7.0	Đạt	
64	DTK1051030247	Nguyễn Thị	Lý	24/11/92	8	7	8	8	7.8	Đạt	
65	DTK1051030036	Nguyễn Thị	Mận	7/5/1992	7	9	6	7	7.3	Đạt	
66	DTK1051030107	Nguyễn Tiến	Mạnh	29/02/92	8	5	6	9	7.0	Đạt	
67	DTK1051030400	Phan Văn	May	28/05/92	8	7	7	7	7.3	Đạt	
68	DTK1051030108	Kiều Thị	Miên	13/08/92	8	8	7	7	7.5	Đạt	
69	DTK1051030037	Trần Văn	Nam	21/07/92	7	9	7	7	7.5	Đạt	
70	DTK1051030109	Hoàng Văn	Nam	3/2/1991	8	7	6	9	7.5	Đạt	
71	DTK1051030403	Vũ Văn	Nam	1/10/1992	8	5	7	8	7.0	Đạt	
72	DTK1051030110	Đỗ Thị	Nga	9/11/1992	8	5	8	8	7.3	Đạt	
73	DTK1051030038	Lê Thị Thúy	Ngân	22/10/92	8	8	8	7	7.8	Đạt	
74	DTK1051030250	Trần Thị	Ngân	3/9/1992	8	7	6	8	7.3	Đạt	
75	DTK1051030040	Ngô Văn	Ngũ	11/11/1992	8	5	8	8	7.3	Đạt	
76	DTK1051030113	Nguyễn Thị	Nhâm	21/06/92	7	8	7	7	7.3	Đạt	
77	DTK1051030114	Nguyễn Thị	Ninh	29/12/92	8	8	8	7	7.8	Đạt	
78	DTK1051030186	Hoàng Thanh	Phong	4/11/1992	8	5	7	7	6.8	Đạt	
79	DTK0951030121	Nguyễn Đức	Phương	14/11/90	b	b	b	b	0.0		

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
80	DTK1051030255	Lâm Thị	Phương	6/12/1992	7	9	6	7	7.3	Đạt	
81	DTK0951030198	Hoàng Văn	Quân	7/6/1991		9	7		4.0	Thiếu ban	
82	DTK1051030413	Hà Hải	Quân	20/11/92	8	5	7	7	6.8	Đạt	
83	DTK1051030046	Nguyễn Đức	Quang	16/09/92	8	8	6	9	7.8	Đạt	
84	11110750040	Nguyễn Văn	Quảng	18/08/88		9	6	5	5.0	Thiếu ban	
85	DTK0951030201	Hoàng Văn	Quý	16/05/91		6	4	7	4.3	Thiếu ban	
86	DTK0951030270	Vũ Thị Hồng	Quyên	14/03/91	5				1.3	Thiếu ban	
87	DTK1051030260	Hoàng Thị	Quyến	20/12/92	8	6	8	8	7.5	Đạt	
88	11110750263	Nguyễn Văn	Quyền	29/02/88	8	7		8	5.8	Thiếu ban	
89	DTK1051030259	Đàm Thị	Quỳnh	30/10/92	8	6	6	8	7.0	Đạt	
90	DTK1051030192	Vũ Thế	Sang	24/07/92	8	8	6	9	7.8	Đạt	
91	DTK1051030120	Nguyễn Văn	Sáng	17/08/92	7	9	8	7	7.8	Đạt	
92	DTK0951030364	Đỗ Xuân	Sinh	18/11/91		9	6		3.8	Thiếu ban	
93	DTK1051030193	Phạm Văn	Tâm	25/11/91	8	9	8	9	8.5	Đạt	
94	DTK1051030052	Nguyễn Thị Hồng	Thái	1/1/1992	8	8	8	7	7.8	Đạt	
95	DTK1051030425	Đoàn Thị	Thắm	11/4/1992	7	8	8	7	7.5	Đạt	
96	DTK1051030421	Nguyễn Văn	Thân	27/07/91	8	6	8	7	7.3	Đạt	
97	DTK1051030196	Lê Văn	Thắng	19/01/92	7	9	7	7	7.5	Đạt	
98	DTK1051030054	Hà Vinh	Thanh	23/02/92	8	8	8	8	8.0	Đạt	
99	DTK0851030275	Nguyễn Hữu	Thành	20/09/90	7				1.8	Thiếu ban	
100	DTK1051030342	Nguyễn Đức	Thành	21/11/92	7	9	6	7	7.3	Đạt	
101	DTK0951030371	Nguyễn Văn	Thành	16/01/91	7	4	7	6	6.0	Đạt	
102	DTK1051030423	Vương Thị	Thảo	15/03/92	8	8	6	7	7.3	Đạt	
103	DTK1051030127	Nguyễn Văn	Thế	6/6/1992	8	8	6	9	7.8	Đạt	
104	DTK1051030428	Nguyễn Xuân	Thi	12/9/1992	8	8	7	8	7.8	Đạt	
105	DTK1051030267	Nguyễn Hữu	Thiện	8/9/1992	8	9	8	6	7.8	Đạt	
106	DTK1051030348	Chu Thị	Thiện	19/05/92	8	8	7	8	7.8	Đạt	
107	DTK0951030132	Nông Văn	Thịnh	14/09/90		1	6		1.8	Thiếu ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
108	DTK1051030351	Nguyễn Duy	Thịnh	2/10/1991	8	8	8	9	8.3	Đạt	
109	DTK1051030128	Hà Thị Lệ	Thu	19/04/92	8	9	7	7	7.8	Đạt	
110	DTK1051030349	Hoàng Ngọc	Thụ	27/04/92	8	9	6	8	7.8	Đạt	
111	DTK1051030352	Nguyễn Thị	Thuận	6/3/1992	8	5	8	8	7.3	Đạt	
112	DTK0951030133	Nguyễn Văn	Thuy	12/2/1991	8	1	6		3.8	Thiếu ban	
113	DTK1051030057	Nguyễn Văn	Tiên	26/04/92	8	8	8	7	7.8	Đạt	
114	DTK1051030203	Trần Văn	Tiến	27/12/92	8	9	6	7	7.5	Đạt	
115	DTK1051030439	Thân Nhân	Tính	25/10/92	8	9	6	7	7.5	Đạt	
116	DTK0851030197	Nguyễn Văn	Tình	7/1/1984	4				1.0	Thiếu ban	
117	DTK0951030381	Chu Văn	Toán	19/11/91		9	8	8	6.3	Thiếu ban	
118	DTK0951030137	Thân Văn	Toàn	5/1/1990		7			1.8	Thiếu ban	
119	DTK0951030287	Quản Văn	Trang	9/1/1991			B		0.0	Thiếu ban	
120	DTK1051030062	Lê Thị	Trang	19/12/91	7	9	6	8	7.5	Đạt	
121	DTK1051030134	Vũ Thị	Trang	8/7/1992	8	8	8	8	8.0	Đạt	
122	DTK1051030276	Vũ Đức	Trung	2/11/1992	8	8	8	7	7.8	Đạt	
123	DTK0851030352	Dương Văn	Tú	14/05/90	8.5	9	8	9	6.5	Đạt	Học theo nhu cầu
124	DTK0851030216	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1990		7			1.8	Thiếu ban	
125	DTK0851030217	Lê Anh	Tuấn	10/6/1990	7	B	8		3.8	Thiếu ban	
126	DTK0951030290	Nguyễn Đăng	Tuấn	15/11/91			7	7	3.5	Thiếu ban	
127	DTK1051030278	Phạm Văn	Tuấn	6/6/1992	7	9	7	8	7.8	Đạt	
128	DTK0951030147	Trần Thanh	Tùng	17/06/91		8	8		4.0	Thiếu ban	
129	DTK1051030438	Ong Thị	Tuyết	20/12/92	8	9	8	7	8.0	Đạt	
130	DTK1051030185	Nguyễn Văn	Ứng	6/8/1992	8	5	8	8	7.3	Đạt	
131	11110750221	Trịnh Văn	Vinh	3/5/1988	3	4	7		3.5	Thiếu ban	
132	DTK1051030363	Hoàng Anh	Vũ	13/03/90	8	9	7	9	8.3	Đạt	
133	DTK1051030142	Vũ Trọng	Xuân	4/12/1991	8	5	7	9	7.3	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú

Ấn định danh sách: 133 SV